

UBND TỈNH NINH THUẬN  
CÔNG TY TNHH MTV  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH  
THỦY LỢI NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/BC-CT

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2016

## BÁO CÁO

Thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm 2015.

-----

**Kính gửi:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP, ngày 18/9/2015 của Chính phủ về việc Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quy chế Công bố thông tin ban hành kèm theo quyết định số 193/QĐ-CT ngày 04/11/2015 của Chủ tịch Công ty Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Nay, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận báo cáo Thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm 2015.

(Chi tiết phụ lục số VIII ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP)

Vậy, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận báo cáo để Bộ Kế hoạch và Đầu tư được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Ninh Thuận (Thay báo cáo);
- Sở Thông tin truyền thông tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Ban Giám đốc;
- Email: info@business.gov.vn;
- Cổng thông tin điện tử Công ty (khaithacthuyloinhthuan.com.vn);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Phạm Văn Hương

**CÔNG TY TNHH MTV  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH  
THỦY LỢI NINH THUẬN  
MST 4500140073**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC  
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2015**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)*

*(Báo cáo đã được Chủ tịch công ty phê duyệt tại văn bản số 72/BC-CT ngày 27/6/2016)*

**I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng thành viên)

**BIỂU SỐ 1**

TT	Ho và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
1	Phạm Văn Hương	1957	Chủ tịch kiêm Giám đốc		A	ĐH	39	Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Giám đốc, Chủ tịch kiêm Giám đốc	Theo điều lệ của Công ty
2	Nguyễn Văn Bội	1959	Phó Giám đốc		A	ĐH	34	Đội trưởng đội thi công, Phó Giám đốc	Theo điều lệ của Công ty
3	Hoàng Văn Hùng	1961	Phó Giám đốc		A	ĐH	36	Kế toán trưởng, Phó Giám đốc	Theo điều lệ của Công ty
4	Lê Phước	1972	Kế toán trưởng		A	ĐH	18	-	Theo điều lệ của Công ty

## 2. Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên

TT	Ho và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
1	Đỗ Ngọc Thoại	1957	Kiểm soát viên chuyên trách			ĐH	35	Trưởng Trạm thủy nông, Kiểm soát viên chuyên trách	Theo điều lệ của Công ty và Quy chế kiểm soát viên
2	Trần Thị Phước Tuyên	1967	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính		ĐH	27	-	Theo điều lệ của Công ty và Quy chế kiểm soát viên

## 3. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích và tổng chi phí (nếu có)

## 3.1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng thành viên)

TT	Ho và tên	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Thu nhập khác	Tổng thu nhập trong năm
1	Phạm Văn Hường	234.576.000	-	20.000.000	168.504.560	423.080.560
2	Nguyễn Văn Bội	199.824.000	27.442.164	20.000.000	116.271.400	363.517.564
3	Hoàng Văn Hùng	199.824.000	27.442.164	20.000.000	145.297.400	392.543.564
4	Lê Phước	121.088.600	-	12.000.000	36.593.284	169.681.884

## 3.2. Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên

TT	Ho và tên	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Thu nhập khác	Tổng thu nhập trong năm
1	Đỗ Ngọc Thoại	130.579.584	-	2.000.000	23.094.500	155.674.084
2	Trần Thị Phước Tuyên	-	29.749.120	2.000.000	-	31.749.120

## 4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý (nếu có).

## 5. Về quản lý rủi ro (mô tả tóm tắt nếu có).

## II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

### BIỂU SỐ 2

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	457/QĐ-UBND	27/12/2014	Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển nguồn vốn XDCCB tập trung sản xuất kinh tế năm 2015
2	519/QĐ-UBND	06/3/2015	Phê duyệt dự toán kinh phí phát triển PIM năm 2015 trong hệ thống thủy lợi do Công ty quản lý
3	925/QĐ-UBND	24/4/2015	Chuyển nguồn kinh phí năm 2014 sang năm 2015 để tiếp tục sử dụng và thực hiện nhiệm vụ
4	1078/QĐ-UBND	19/5/2015	Phân bổ vốn và giao danh mục chuẩn bị đầu tư kế hoạch năm 2015
5	1246/QĐ-UBND	08/6/2015	Phân bổ kế hoạch vốn vay tín dụng ưu đãi năm 2015
6	1566/QĐ-UBND	14/7/2015	Phê duyệt diện tích miễn thủy lợi phí kế hoạch năm 2016 và biện pháp tưới tiêu theo từng diện tích tưới nước, tiêu nước cho Công ty
7	1581/QĐ-UBND	16/7/2015	Về việc phân bổ vay vốn tín dụng ưu đãi năm 2015
8	1584/QĐ-UBND	17/7/2015	Phê duyệt mức vốn điều lệ của Công ty
9	1592/QĐ-UBND	20/7/2015	Phê duyệt dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí năm 2015
10	2904/QĐ-UBND	21/7/2015	Phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2015 của Công ty
11	1813/QĐ-UBND	20/8/2015	Công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và phân loại viên chức quản lý doanh nghiệp năm 2014
12	3451/QĐ-UBND	01/9/2015	Thông nhất kế hoạch tài chính năm 2016
13	2112/QĐ-UBND	28/9/2015	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020
14	2153/QĐ-UBND	29/9/2015	Phê duyệt danh mục công trình tu sửa đợt 2/2015 trong hệ thống công trình do Công ty quản lý
15	2446/QĐ-UBND	02/11/2015	Cấp bù kinh phí miễn thủy lợi phí theo quyết toán năm 2014
16	2475/QĐ-UBND	04/11/2015	Phê duyệt danh mục công trình tu sửa, nạo vét kênh mương và sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi đợt 1/2016 trong hệ thống công trình do Công ty quản lý
17	2529/QĐ-UBND	11/11/2015	Điều chỉnh nội dung và danh mục kinh phí khắc phục thiệt hại do hạn hán của vụ đông xuân và hè thu năm 2015

18	2770/QĐ-UBND	04/12/2015	Phê duyệt quyết toán chi phí nhiên liệu (Điện, dầu) phục vụ bơm nước chống hạn năm 2015 trên địa bàn do Công ty quản lý
19	2871/QĐ-UBND	14/12/2015	Phê duyệt diện tích tưới, tiêu, miễn thu thủy lợi phí năm 2015 theo từng biện pháp của từng hệ thống công trình do Công ty quản lý

### III. Hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

#### 1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

**BIỂU SỐ 3**

TT	Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Phạm Văn Hường	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty	05	0	0	100%

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc

3. Các Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

**BIỂU SỐ 4**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	03/TB-CT	15/01/2015	Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ Đông xuân 2014 - 2015
2	09/TB-CT	16/3/2015	Triển khai công tác đóng nước nạo vét, tu sửa công trình kênh mương năm 2015
3	20/TB-CT	15/5/2015	Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ Hè thu năm 2015
4	22/TB-CT	15/6/2015	Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ Mùa năm 2015
5	27/TB-CT	17/8/2015	Triển khai kế hoạch phòng, chống hạn năm 2015
6	33/TB-CT	15/10/2015	Triển khai kế hoạch phòng, chống lụt bão năm 2015

### III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên
2. Các báo cáo của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên

BIỂU SỐ 5

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	83/BC-BKS	24/6/2015	Thẩm định điều chỉnh kế hoạch năm 2015 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
2	98/BC-BKS	14/7/2015	Kiểm soát tình hình thực hiện nhiệm vụ quý 2/2015 của kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
3	141/BC-BKS	07/9/2015	Thẩm định lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
4	149/BC-BKS	10/9/2015	Thẩm định lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
5	166/BC-BKS	09/10/2015	Kiểm soát tình hình thực hiện nhiệm vụ quý 3/2015 của kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

### IV. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách các bên có liên quan của doanh nghiệp.
2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

BIỂU SỐ 6

STT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
1	Công ty cấp nước	Cung cấp nước sinh hoạt	11.826.000.000
2	TT nước sinh hoạt	Cung cấp nước sinh hoạt	625.968.000
3	Công ty CP mía đường	Cung cấp nước sinh hoạt	143.942.400
4	Hợp đồng cung cấp nước với các tổ hợp tác dùng nước được miễn thu TLP của 7 huyện	Cung cấp sản xuất nông nghiệp	47.996.239.418
5	TT SX Giống cây trồng Nha Hồ	Cung cấp sản xuất nông nghiệp	406.949.748
6	Cty CP Giống cây trồng Nha Hồ		
7	TT giống CT vật nuôi Phan Rang		
8	TT giống CT vật nuôi N.Phước		

9	DNTN xây dựng Thiên Sinh	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	671.599.000
10	Công ty TNHH Thuận Phú	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	791.970.000
11	Công ty TNHH XD & DV viễn thông Mỹ Hà	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	734.250.000
12	Công ty TNHH XD & TM Quảng Phát	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	697.830.000
13	Công ty TNHH TM & XD Tân Phát	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	442.120.217
14	Công ty TNHH Ninh Phát	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	552.342.000
15	Công ty TNHH Xây dựng Trường Hùng	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	732.368.152
16	Công ty TNHH TM & XD Duy Hưng	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	741.575.750
17	DNTN TM & XD Minh Thịnh	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	717.769.047
18	DNTN TM & XD Trường Thịnh	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	629.940.000
19	Công ty TNHH XD - TM - DV Hải Vân	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	697.643.000
20	Công ty TNHH Châu An	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	640.784.000
21	Công ty TNHH XD Hoàng Thanh Ninh Thuận	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	559.339.000
22	Công ty TNHH Thuận Phú	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	621.021.373
23	Công ty TNHH Ninh Phát	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	693.255.379

Giải thích:

- (2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;  
(3): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);  
(4): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD...)